

Số: 1753/CT-TTHT
V/v trả lời chính sách

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: Bà Nguyễn Thị Lan
(Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, số 6 đường Tôn
Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội –
Mã số thuế: 8327941754)

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số CTHN-01 và công văn số CTHN-2 ngày 08/12/2016 của Bà Nguyễn Thị Lan hỏi về việc hướng dẫn cách tính thuế TNCN, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Điều 1 quy định về người nộp thuế như sau:

“...Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập...”

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công;

+ Tại Khoản 4 Điều 7 quy định căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công đối với cá nhân cư trú.

+ Tại Khoản 2 Điều 8 quy định cách tính thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công;

+ Tại Khoản 2 Điều 9 quy định về các khoản giảm trừ;

+ Tại Tiết e Khoản 2 Điều 26 quy định về nguyên tắc khai thuế, quyết toán thuế đối với một số trường hợp như sau:

“e.1) Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại nước ngoài và tổng thu nhập chịu thuế.”

- Căn cứ tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC

ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định về người nộp thuế và phạm vi xác định thu nhập chịu thuế.

- Căn cứ tiết a, Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b.2.1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định về hồ sơ khai quyết toán thuế:

“b.2) Hồ sơ khai quyết toán

b.2.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đại lý bảo hiểm; thu nhập từ đại lý xổ số; thu nhập từ bán hàng đa cấp khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế ...

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn, chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh hoặc xác nhận về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài kèm theo Thư xác nhận thu nhập năm mẫu số 20/TXN-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính:

“a) Thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế là thu nhập thực nhận (không bao gồm thu nhập được miễn thuế) cộng (+) các khoản lợi ích do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động (nếu có) trừ (-) các khoản giảm trừ. Trường hợp người sử dụng lao động áp dụng chính sách “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định” thì thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế không bao gồm “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định”. Trường hợp trong các khoản trả thay có tiền thuê nhà thì tiền thuê nhà tính vào

thu nhập làm căn cứ quy đổi bằng số thực trả nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập (chưa bao gồm tiền thuê nhà thực tế phát sinh, “tiền nhà giả định” (nếu có)).

Công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi:

$$\text{Thu nhập làm căn cứ quy đổi} = \text{Thu nhập thực nhận} + \text{Các khoản trả thay} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Trong đó:

- Thu nhập thực nhận là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng.

- Các khoản trả thay là các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền do người sử dụng lao động trả cho người lao động theo hướng dẫn tại điểm đ, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Các khoản giảm trừ bao gồm: giảm trừ gia cảnh; giảm trừ đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện; giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Điều 15 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.”

- Căn cứ Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh và mẫu biểu, tờ khai thuế thu nhập cá nhân:

“6. Sửa đổi các mẫu biểu số 05/KK-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 02/KK-TNCN, 11/KK-TNCN, 11-1/TB-TNCN, 04-2/KK-TNCN, 07/KK-TNCN, 09/KK-TNCN, 03/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính bằng các mẫu biểu mới tương ứng số 05/QTT-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 05/KK-TNCN, 03/BDS-TNCN, 03/TBT-BDS-TNCN, 04/UQ-QTT-TNCN, 02/KK-TNCN, 02/QT-TNCN, 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Các mẫu biểu, tờ khai khác về thuế thu nhập cá nhân ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC được thay thế theo các mẫu biểu, tờ khai tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục các mẫu biểu, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh và mẫu biểu, tờ khai thuế thu nhập cá nhân được thống kê theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.”

- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, quy định:

“- Trường hợp khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế thu nhập doanh nghiệp) ở nước ngoài, khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài hoặc đã được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay (kể cả

thuế đối với tiền lãi cổ phần), nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.

...

- Hồ sơ đính kèm khi kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài bao gồm:

- + Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;
- + Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế hoặc bản gốc xác nhận của cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp hoặc bản chụp chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của người nộp thuế."

Căn cứ các quy định trên:

1. Về các khoản giảm trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN đối với trường hợp nhận thu nhập sau thuế:

Trường hợp cá nhân cư trú nhận thu nhập chưa bao gồm thuế (thu nhập NET) thì khi tính thuế TNCN cá nhân nhận thu nhập phải thực hiện quy đổi thành thu nhập bao gồm thuế (thu nhập GROSS) được hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và phụ lục 02 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Đối với trường hợp cụ thể Bà nêu thì khi quy đổi phải cộng khoản công ty trả thay (tiền bảo hiểm bắt buộc) trước khi trừ đi các khoản giảm trừ (giảm trừ gia cảnh, bảo hiểm bắt buộc), cụ thể:

+ Thu nhập làm căn cứ để quy đổi thành thu nhập tính thuế: (đơn vị tính là Việt nam đồng)

$$16.912.500 + 10.000.000 \times 10,5\% - (9.000.000 + 7.200.000 + 10.000.000 \times 10,5\%) = 712.500$$

+ Thu nhập tính thuế (quy đổi theo phụ lục số 2/PL-TNCN):

$$712.500 / 0.95 = 750.000$$

+ Thuế TNCN phải nộp: $750.000 \times 5\% = 37.500$

2. Về việc giảm trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài:

2.1. Về việc giảm trừ số thuế TNCN đã nộp tại nước ngoài:

Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam. Số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài.

Để chứng minh số thuế đã nộp tại nước ngoài, khi thực hiện kê khai, nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế, cá nhân nộp kèm theo bộ hồ sơ quyết toán thuế cá nhân bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã


tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

2.2. Về việc giám trừ số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài:

Việc giám trừ số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính.

Trường hợp có vướng mắc cụ thể, đề nghị Bà cung cấp hồ sơ và liên hệ với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Bà Nguyễn Thị Lan được biết và thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TNCN;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;3)

